

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực Tài chính công Quý I, năm 2019

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực Tài chính công quý I năm 2019, cụ thể như sau:

I. Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP:

1) Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

Đến nay, địa phương đã thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện. Nhằm mở rộng quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của các cơ quan hành chính trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao, đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy hoạt động của các đơn vị gắn với nhu cầu của xã hội, đảm bảo chất lượng và có hiệu quả; đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động xã hội của các cơ quan hành chính, góp phần nâng cao vai trò quản lý của nhà nước trong điều kiện nền kinh tế hiện nay.

2) Kết quả từng cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ (theo biểu số 01/BC đính kèm). Cụ thể như sau:

- Tổng số cơ quan hành chính cấp huyện cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 19 cơ quan.
- Tổng số cơ quan đã thực hiện chế độ tự chủ: 19 cơ quan.
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 19 cơ quan.
- Tổng số cơ quan đã ban hành quy chế quản lý tài sản công: 19 cơ quan.
- Tổng số cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên: 0 đơn vị.

II. Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của chính phủ:

1) Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập 47 đơn vị: trong đó: số đơn vị sự nghiệp giáo dục đào tạo 42 đơn vị; văn hóa thông tin, thể dục thể thao 01 đơn vị; sự nghiệp khác 04 đơn vị.

2) Kết quả từng đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP (theo biểu số 01/BC đính kèm). Cụ thể như sau:

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cần phải thực hiện cơ chế tự chủ: 47 đơn vị.
- Đơn vị thực hiện chế độ tự chủ: 47 đơn vị
- Đơn vị ban hành cơ chế chi tiêu nội bộ: 47 đơn vị

- Đơn vị ban hành quy chế quản lý tài sản công: 47 đơn vị
- Đơn vị ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập cho người lao động: 47 đơn vị

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực Tài chính công quý I, năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ báo cáo Sở Tài chính tổng hợp./. *og*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (Báo cáo);
- Phòng Tài chính-KH;
- Phòng Nội vụ;
- Lưu VT-VP.

og

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

og
Trần Ngọc Phận

**BẢNG THỐNG KÊ CƠ QUAN HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP
NGÀY 17/10/2005 CỦA CHÍNH PHỦ**

STT	Tên cơ quan hành chính (có tài khoản và con dấu riêng) (1)	Chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định 68/CP của cấp huyện giao năm 2019			Số người có mặt đến ngày 20/4/2019			Cơ quan đã (hoặc chưa) thực hiện cơ chế tự chủ (2)	Cơ quan đã (hoặc chưa) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế sử dụng tài sản công (3)	Cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên (4)
		Số người	Gồm		Số người	Gồm				
			Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP			
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9
1	Văn phòng HĐND-UBND	22	17	5	20	15	5	đã thực hiện	đã ban hành	
2	Phòng Tài chính - KH	7	7		7	7		đã thực hiện	đã ban hành	
3	Phòng Tài nguyên - MT	6	6		6	6		đã thực hiện	đã ban hành	
4	Phòng Nông nghiệp - PTNT	6	6		6	6		đã thực hiện	đã ban hành	
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	9	8	1	9	8	1	đã thực hiện	đã ban hành	
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	6	6		5	5		đã thực hiện	đã ban hành	
7	Phòng Lao động TB&XH	8	6	2	8	6	2	đã thực hiện	đã ban hành	
8	Phòng Nội vụ	6	6		5	5		đã thực hiện	đã ban hành	
9	Phòng Tư Pháp	4	4		4	4		đã thực hiện	đã ban hành	
10	Phòng Thanh Tra	5	5		5	5		đã thực hiện	đã ban hành	
11	Phòng Văn hoá TT	4	4		4	4		đã thực hiện	đã ban hành	
12	Phòng Y tế	3	3		3	3		đã thực hiện	đã ban hành	
13	Phòng Dân tộc	4	4		3	3		đã thực hiện	đã ban hành	
14	Khối Đảng	37	37		29	29		đã thực hiện	đã ban hành	
15	Ủy ban MTTQVN huyện	9	9		9	9		đã thực hiện	đã ban hành	



STT	Tên cơ quan hành chính (có tài khoản và con dấu riêng) (1)	Chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định 68/CP của cấp huyện giao năm 2019			Số người có mặt đến ngày 20/4/2019			Cơ quan đã (hoặc chưa) thực hiện cơ chế tự chủ (2)	Cơ quan đã (hoặc chưa) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế sử dụng tài sản công cộng (3)	Cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên (4)
		Số người	Gồm		Số người	Gồm				
			Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP			
A	B	I=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9
16	Đoàn Thanh Niên huyện	6	6		5	5		đã thực hiện	đã ban hành	
17	Hội Phụ nữ huyện	6	6		5	5		đã thực hiện	đã ban hành	
18	Hội Nông dân huyện	5	5		5	5		đã thực hiện	đã ban hành	
19	Hội Cựu chiến binh huyện	5	5		4	4		đã thực hiện	đã ban hành	
Tổng số: 19 cơ quan		158	150	8	142	134	8			

**BẢNG THỐNG KÊ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN TỔ CHỨC BỘ MÁY,
BIÊN CHẾ VÀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH 16/2015/NĐ-CP NGÀY 14/02/2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

STT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập (có tài khoản và con dấu riêng) (1)	Chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định 68/CP của cấp huyện giao năm 2019			Số người có mặt đến ngày 20/4/2019			Đơn vị đã (hoặc chưa) hiện chế độ tự chủ (2)	Cơ quan đã (hoặc chưa) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế sử dụng tài sản công (3)
		Số người	Gồm		Số người	Gồm			
			Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		
A	B	I=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin	23	21	2	20	18	2	đã thực hiện	đã ban hành
2	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	15	15		13	13		đã thực hiện	đã ban hành
3	Phòng Nội Vụ (Lưu trữ)	3	3		3	3		đã thực hiện	đã ban hành
4	Đội Công trình giao thông và DVĐT	2	2		2	2		đã thực hiện	đã ban hành
5	Ban Quản lý chợ	2	2		1	1		đã thực hiện	đã ban hành
6	Trung tâm GDTX - GDNN huyện	27	24	3	27	24	3	đã thực hiện	đã ban hành
7	Trung tâm BDCT huyện	5	5		3	3		đã thực hiện	đã ban hành
8	Trường MN Hòa Mi	21	20	1	21	20	1	đã thực hiện	đã ban hành
9	Trường MN Hoa Pơ Lang	24	23	1	24	23	1	đã thực hiện	đã ban hành
10	Trường MN Bình Minh	14	13	1	14	13	1	đã thực hiện	đã ban hành
11	Trường MN 17/3	22	21	1	22	21	1	đã thực hiện	đã ban hành
12	Trường MN Tuổi Thơ	19	18	1	19	18	1	đã thực hiện	đã ban hành
13	Trường MN Hải Âu	13	12	1	13	12	1	đã thực hiện	đã ban hành
14	Trường MN Hòa Bình	13	12	1	13	12	1	đã thực hiện	đã ban hành
15	Trường MN Vàng Anh	11	10	1	11	10	1	đã thực hiện	đã ban hành
16	Trường MN Hoa Cúc	13	12	1	13	12	1	đã thực hiện	đã ban hành
17	Trường MN Hoa Sen	12	11	1	12	11	1	đã thực hiện	đã ban hành
18	Trường TH Võ Thị Sáu	41	40	1	41	40	1	đã thực hiện	đã ban hành
19	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	31	30	1	31	30	1	đã thực hiện	đã ban hành



STT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập (có tài khoản và con dấu riêng) (1)	Chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định 68/CP của cấp huyện giao năm 2019			Số người có mặt đến ngày 20/4/2019			Đơn vị đã (hoặc chưa) hiện chế độ tự chủ (2)	Cơ quan đã (hoặc chưa) ban hành quy chế chỉ tiêu nội bộ và quy chế sử dụng tài sản công (3)
		Số người	Gồm		Số người	Gồm			
			Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		
A	B	I=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8
20	Trường TH Hùng Vương	36	35	1	36	35	1	đã thực hiện	đã ban hành
21	Trường TH Bán trú Lê Quý Đôn	31	30	1	31	30	1	đã thực hiện	đã ban hành
22	Trường TH Trần Quốc Tuấn	29	28	1	29	28	1	đã thực hiện	đã ban hành
23	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	25	24	1	25	24	1	đã thực hiện	đã ban hành
24	Trường TH Trần Phú	44	43	1	44	43	1	đã thực hiện	đã ban hành
25	Trường TH Cù Chính Lan	32	31	1	32	31	1	đã thực hiện	đã ban hành
26	Trường TH Kim Đồng	29	28	1	29	28	1	đã thực hiện	đã ban hành
27	Trường TH Phan Chu Trinh	21	20	1	21	20	1	đã thực hiện	đã ban hành
28	Trường TH Ngô Mỹ	24	23	1	24	23	1	đã thực hiện	đã ban hành
29	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	27	27	0	27	27	0	đã thực hiện	đã ban hành
30	Trường TH Lê Văn Tám	34	32	2	34	32	2	đã thực hiện	đã ban hành
31	Trường TH Đinh Núp	21	20	1	21	20	1	đã thực hiện	đã ban hành
32	Trường TH Bùi Thị Xuân	21	20	1	21	20	1	đã thực hiện	đã ban hành
33	Trường TH Kpã Klong	19	18	1	19	18	1	đã thực hiện	đã ban hành
34	Trường TH Võ Văn Kiệt	24	22	2	25	23	2	đã thực hiện	đã ban hành
35	Trường THCS Quang Trung	46	45	1	46	45	1	đã thực hiện	đã ban hành
36	Trường THCS Nguyễn Hiền	33	32	1	33	32	1	đã thực hiện	đã ban hành
37	Trường THCS Nguyễn Trãi	28	27	1	28	27	1	đã thực hiện	đã ban hành
38	Trường THCS B.trú Siu Biểh	22	21	1	22	21	1	đã thực hiện	đã ban hành
39	Trường THCS Lê Hồng Phong	25	24	1	25	24	1	đã thực hiện	đã ban hành
40	Trường THCS Nguyễn Huệ	29	28	1	29	28	1	đã thực hiện	đã ban hành
41	Trường THCS Phan Bội Châu	26	25	1	26	25	1	đã thực hiện	đã ban hành
42	Trường THCS Lý Tự Trọng	23	22	1	23	22	1	đã thực hiện	đã ban hành

STT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập (có tài khoản và con dấu riêng) (1)	Chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định 68/CP của cấp huyện giao năm 2019			Số người có mặt đến ngày 20/4/2019			Đơn vị đã (hoặc chưa) hiện chế độ tự chủ (2)	Cơ quan đã (hoặc chưa) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế sử dụng tài sản công (3)
		Số người	Gồm		Số người	Gồm			
			Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		Biên chế	Hợp đồng NĐ 68/CP		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8
43	Trường TH-THCS Nguyễn Du	32	31	1	32	31	1	đã thực hiện	đã ban hành
44	Trường THCS Lê Lợi	23	22	1	23	22	1	đã thực hiện	đã ban hành
45	Trường THCS Lương Thế Vinh	19	18	1	19	18	1	đã thực hiện	đã ban hành
46	Trường THCS Trần Quốc Toàn	20	19	1	20	19	1	đã thực hiện	đã ban hành
47	Trường THCS Dân tộc Nội trú	24	21	3	24	21	3	đã thực hiện	đã ban hành
Tổng số: 47 đơn vị		1078	1030	48	1071	1023	48		

